

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 3 – 2022.

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Xuân .

2. Bà Đặng Thị Thu Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1994 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện H, tỉnh A.

2. *Bị đơn:* Ông Dương Văn H, sinh năm: 1983 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp R, xã B, huyện H, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 4 năm 2021, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Sau thời gian tìm hiểu bà và ông Dương Văn H đã tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng với ông H từ năm 2017 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống vợ chồng bà có một người con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 27/05/2018, giới tính: Nữ. Thời gian đầu chung sống hòa thuận nhưng sau khi sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, ông H thường xuyên ghen tuông, đánh đập bà. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ gia đình nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H.

2. *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 27/5/2018, giới tính: Nữ. Trong thời gian sống ly thân ông H là người trực tiếp nuôi cháu N. Nay bà đồng ý để cho ông H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Thị Tuyết N và bà không cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng đã tổng đạt hợp lệ tất cả các giấy tờ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự cho ông Dương Văn H, ông H có mặt tại địa phương nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện ông Dương Văn H về việc “Ly hôn và nuôi con”, do Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định, tuy nhiên, trong quá trình lập hồ sơ Thẩm phán không lập biên bản giao nhận tài liệu như: bản tự khai, giấy khai sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 96 BLTTDS, vi phạm về thời hạn gửi Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 216 BLTTDS; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Bà N và ông H tự nguyện tổ chức đám cưới vào năm 2017, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Dương Văn H là vợ chồng.

+ Về con chung: Bà N đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày: 27/05/2018, giới tính: Nữ cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con và bản thân ông H đang là người trực tiếp nuôi con. Do đó, yêu cầu của bà N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

+ Về cấp dưỡng: Bà N không cấp dưỡng và ông H không có ý kiến nên không xem xét.

+ Về tài sản và nợ chung: Bà N không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa nên Tòa án giải quyết vắng mặt ông H là phù hợp theo Điều 227 BLTTDS.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn H, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Dương Văn H không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản cho ông H, nhưng ông H vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] *Về hôn nhân:* Bà N và ông H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó, giữa bà N và ông H không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng, đồng thời bà N không đồng ý tiếp tục sống chung với ông H nên bà N yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống bà N có sinh một con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm: 27/5/2018, giới tính: Nữ. Do bà N làm thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu N, bà với ông H không có giấy chứng nhận kết hôn nên bà khai họ “Nguyễn” theo họ mẹ cho con. Nay bà N đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Tuyết N cho ông H được quyền tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Thị Tuyết N, bà không cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 15 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về cấp dưỡng:* Ông H không có mặt tại phiên tòa nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

[4] *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[5] *Về nợ chung:* Không có nợ.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[7] *Về án phí:* Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Dương Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung:

Ông Dương Văn H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 27/5/2018, giới tính: Nữ (Hiện cháu N đang sống chung với ông H).

Bà N không trực tiếp nuôi con nhưng bà N được quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản bà N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005854 ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

-TAND tỉnh;

-VKSND tỉnh/huyện;

-Chi cục THA DS;

-Các đ/s;

-Lưu hồ sơ;

-Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Văn Thành